

Số 682 /SYT-NVD

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2019

V/v thông báo các Quyết định phê
duyet kết quả lựa chọn nhà thầu các gói
thầu cung cấp của Trung tâm mua sắm
thuốc Quốc gia năm 2019-2020

Kính gửi:

- Giám đốc các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Giám đốc các cơ sở y tế trực thuộc Trung ương, Ngành trên địa bàn tỉnh;
- Giám đốc các Bệnh viện, Phòng khám đa khoa tư nhân trên địa bàn tỉnh.

(sau đây gọi tắt là các cơ sở y tế)

Sở Y tế nhận được Quyết định số 05/QĐ-TTMS ngày 14/02/2019 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 9: cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh phía nam (Mã hiệu: ĐTTT.generic.09.2018); Quyết định số 06/QĐ-TTMS ngày 14/02/2019 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 10: cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh phía nam (Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018); Quyết định số 07/QĐ-TTMS ngày 14/02/2019 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: cung cấp thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2019-2020 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc (Mã hiệu: ĐTTT.BDG.01.2018).

Giám đốc Sở Y tế thông báo đến các cơ sở y tế được biết và thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.

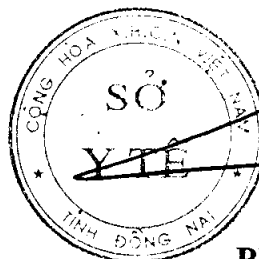
Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo kịp thời về Sở Y tế (phòng Nghiệp vụ dược - ĐT: 0251.3840654, Email todauthausytdn@gmail.com) để báo cáo Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia – Bộ Y tế./.

(Đính kèm các Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia – Bộ Y tế)

Nơi nhận

- Như trên (thực hiện);
- BGĐ SYT (để biết);
- BHXH tỉnh ĐN (phối hợp chỉ đạo);
- Website SYT Đồng Nai;
- Lưu VT, NVD.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu số 1: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị
năm 2019-2020 cho các cơ sở y tế trên toàn quốc;

Mã hiệu: ĐTTT.BDG.01.2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2710/QĐ-BYT ngày 27/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia năm 2018 do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 5662/QĐ-BYT ngày 24/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2019-2020 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm MSTTTQG thực hiện và Quyết định số 6267/QĐ-BYT ngày 16/10/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2019-2020 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm MSTTTQG thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-TTMS ngày 27/09/2018 của Giám đốc Trung tâm MSTTTQG về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2019-2020 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm MSTTTQG thực hiện; Quyết định số 50/QĐ-TTMS ngày 11/10/2018 của Giám đốc Trung tâm MSTTTQG có về việc phê duyệt sửa đổi Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 1: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2019-2020 cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc; Mã hiệu: ĐTTT.BDG.01.2018 và Quyết định số 55/QĐ-TTMS ngày 17/10/2018 của Giám đốc Trung tâm MSTTTQG có về việc phê duyệt sửa đổi Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 1: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2019-2020 cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc; Mã hiệu: ĐTTT.BDG.01.2018; Gói thầu số 2: Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Bắc; Mã hiệu: ĐTTT.generic.02.2018; Gói thầu số 3: Cung cấp thuốc generic năm

2019-2020 cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên; Mã hiệu: ĐTTT.generic.03.2018; Gói thầu số 4: Cung cấp thuốc generic năm 2019-2020 cho các tỉnh miền Nam; Mã hiệu: ĐTTT.generic.04.2018;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-TTMS ngày 18/12/2018 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia phê duyệt Danh sách nhà thầu và các thuốc đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu số 1: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2019-2020 cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc; Mã hiệu: ĐTTT.BDG.01.2018;

Căn cứ Báo cáo đánh giá Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật ngày 17/12/2018 và Báo cáo đánh giá Hồ sơ đề xuất tài chính ngày 24/12/2018 của Tổ chuyên gia;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-TTMS ngày 24/12/2018 của Giám đốc Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu số 1: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2019-2020 cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc; Mã hiệu: ĐTTT.BDG.01.2018;

Căn cứ Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung số 04/BB TTHĐ ngày 25/12/2018 giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương; Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung số 05/BB TTHĐ ngày 25/12/2018 giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và Công ty Cổ phần Dược Liệu Trung ương 2;

Căn cứ Báo cáo Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của Tổ Thẩm định đấu thầu ngày 26/12/2018;

Xét Tờ trình số 03/NVĐT ngày 27/12/2018 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà Gói thầu số 1: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2019-2020 cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc; Mã hiệu: ĐTTT.BDG.01.2018 của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ công văn số 7601/SYT-NVD ngày 27/11/2018 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xin bổ sung hoạt chất Vinorelbine vào danh mục dự trữ của Bệnh viện Quân Y 175;

Căn cứ công văn số 5737/DL2-XNK ngày 27/12/2018 của Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2 về việc Thương thảo giá dự thầu Gói thầu số 01;

Căn cứ công văn số 113/BVPTƯ ngày 18/01/2019 của Bệnh viện Phổi Trung Ương về việc dự trữ đột xuất thuốc Mycophenolat 250mg dạng viên, nhóm Biệt dược trong Danh mục thuốc ĐTTT quốc gia;

Căn cứ công văn số 548/DL2-XNK ngày 12/02/2019 của Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2 về việc điều chỉnh số lượng Cellcept 250mg;

Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 1: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2019-2020 cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc; Mã hiệu: ĐTTT.BDG.01.2018 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ Y tế phê duyệt, cụ thể:

STT	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu (VNĐ)	Danh mục thuốc chi tiết
1	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	2.717.627.907.304	
	Theo KHLCNT đã được phê duyệt	2.708.025.575.804	Phụ lục 1 đính kèm
	Mua tăng số lượng theo yêu cầu phát sinh của cơ sở y tế	9.602.331.500	Phụ lục 2 đính kèm
2	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	3.994.346.253.306	
	Theo KHLCNT đã được phê duyệt	3.994.083.373.306	Phụ lục 1 đính kèm
	Mua tăng số lượng theo yêu cầu phát sinh của cơ sở y tế	262.880.000	Phụ lục 2 đính kèm

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định. Cách thức thực hiện: Trung tâm ký thỏa thuận khung, các cơ sở y tế ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu;

- Thời gian thực hiện: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2020.

Điều 2. Giá trúng thầu nêu trên là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo hành thuốc, các dịch vụ liên quan và các loại thuế, phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia có trách nhiệm ký kết Thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu nêu tại Điều 1 theo đúng các quy định hiện hành của Chính phủ.

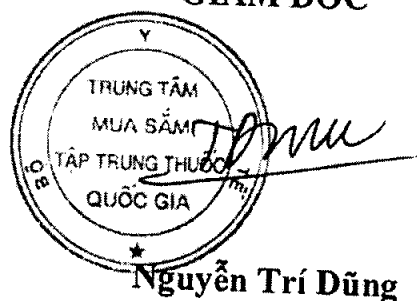
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Ông (Bà) thuộc các bộ phận: Văn phòng Trung tâm, Nghiệp vụ Đấu thầu, Nghiệp vụ Dược, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng thuốc, các nhà thầu trúng thầu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các PGĐ Trung tâm (để p/h thực hiện);
- Lưu VT, NVĐT.

GIÁM ĐỐC



BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1:

Kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 1: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2019-2020 cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc; Mã hiệu: ĐTTT.BDG.01.2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-TTMS ngày 14 tháng 02 năm 2019)

Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên thuốc	Hiệu lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
Biệt dược														
1	1	Bortezomib	Velcade	1mg	Bột pha tiêm tĩnh mạch	Tiêm	Hộp 1 lọ 1mg	VN2-327-15 (CV gia hạn đến 4/4/2019)	BSP Pharmaceuticals S.p.A. (sản xuất và đóng gói sơ cấp); cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Janssen Pharmaceutica N.V	Sản xuất và đóng gói sơ cấp: Ý; cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Bỉ	Lọ	6.120.243	25.432	155.650.019.976
2	2	Bortezomib	Velcade	3,5mg	Bột pha dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 lọ	VN-20177-16	Cơ sở sản xuất: Pierre Fabre Medicament production (PFMP); Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Janssen Pharmaceutica N.V	Sản xuất: Pháp; Đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Bỉ	Lọ	21.420.850	6.571	140.756.405.350

TDM 4

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên thuốc	Liều lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	SBK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
3	9	Gemcitabin	Gemzar	200mg	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 1 lọ	VN-18294-14	Eli Lilly & Company	Mỹ	Lọ	735.500	118.404	87.086.142.000
4	10	Gemcitabin	Gemzar	1000mg	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 1 lọ	VN2-549-17	Eli Lilly & Company	Mỹ	Lọ	2.726.400	20.221	55.130.534.400
5	18	Pemetrexed	Alimta	100mg	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 1 lọ	VN2-345-15 (CÓ CV GIA HẠN HIỆU LỰC SDK); VN-21277-18	Eli Lilly & Company	Mỹ	Lọ	5.676.500	12.815	72.744.347.500
6	19	Pemetrexed	Alimta 500mg	500mg	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 1 lọ	VN2-172-13 (CÓ CV GIA HẠN HIỆU LỰC SDK); VN-21019-18	Eli Lilly & Company	Mỹ	Lọ	24.217.800	7.210	174.610.338.000
7	20	Tacrolimus	Prograf	0,5mg	Viên nang	Uống	Hộp 5 vỉ x 10 viên nang	VN-14708-12 (CV gia hạn đến 30/7/2019)	Astellas Ireland Co., Ltd	Ireland	Viên	34.784	4.002.070	139.208.002.880
8	21	Tacrolimus	Advagraf	0,5mg	Viên nang cứng phòng thích kéo dài	Uống	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-16290-13 (CV gia hạn đến 9/2/2018)	Astellas Ireland Co., Ltd	Ireland	Viên	34.784	681.000	23.687.904.000
9	22	Tacrolimus	Prograf	1mg	Viên nang	Uống	Hộp 5 vỉ x 10 viên nang	VN-14709-12 (CV gia hạn đến 30/7/2019)	Astellas Ireland Co., Ltd	Ireland	Viên	52.173	9.951.319	519.190.166.187
10	23	Tacrolimus	Advagraf	1mg	Viên nang cứng phòng thích kéo dài	Uống	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-16498-13 (CV gia hạn đến 1/4/2019)	Astellas Ireland Co., Ltd	Ireland	Viên	52.173	2.373.100	123.811.746.300

Sc

TONN 5

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
11	25	Vinorelbine	Navelbine	10mg	Thuốc tiêm	Tiêm	Hộp 10 lọ (ml)	VN-20070-16	Pierre Fabre Medicament production	Pháp	Lọ	757.588	10.744	8.139.525.472
12	26	Vinorelbine	Navelbine 20mg	20mg	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Uống	Hộp 1 vỉ x 1 viên	VN-15588-12 (CV gia hạn đến 19/7/2019)	Pierre Fabre Medicament production	Pháp	Viên	1.422.718	167.356	238.100.393.608
13	27	Vinorelbine	Navelbine 30mg	30mg	Viên nang mềm	Uống	Hộp 1 vỉ x 1 viên	VN-15589-12 (CV gia hạn đến 19/7/2019)	Pierre Fabre Medicament production	Pháp	Viên	2.133.787	184.089	392.806.715.043
14	28	Clopidogrel	Plavix 75mg	75mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-16229-13 (CV gia hạn đến 6/3/2019)	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	17.704	17.400.948	308.066.383.392
15	29	Clopidogrel	Plavix	300mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18879-15 (hết hạn 26/5/2020)	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	58.240	298.814	17.402.927.360
16	38	Telmisartan	Micardis	40mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18820-15 (hết hạn 26/5/2020)	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Viên	9.832	20.558.330	202.129.500.560
17	39	Telmisartan	Micardis	80mg	Viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18821-15 (hết hạn 26/5/2020)	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Viên	14.848	3.334.087	49.504.523.776
												Tổng cộng		2.708.025.575.804

THM

Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2

STT	STT trong hồ sơ mời thầu	Họ và tên chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
Biệt dược														
1	3	Epirubicin	Farformubicin a Inj 10mg 1's	10mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm truyền tĩnh mạch	1 lọ/ hộp+1 ống dung môi pha tiêm 5ml	VN-20840-17	Actavis Italy S.P.A	Ý	Lọ	248.775	71.392	17.760.544.800
2	4	Epirubicin	Farformubicin a Inj 50mg 1's	50mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm truyền tĩnh mạch	1 lọ/ hộp	VN-20841-17	Actavis Italy S.P.A	Ý	Lọ	786.129	72.603	57.075.323.787
3	5	Erlotinib	TARCEVA 100MG TABLETS B/30	100mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim	VN-11870-11 (CV gia hạn đến 4/7/2019)	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Thụy Sĩ	Viên	668.710	74.709	49.958.655.390
4	6	Erlotinib	TARCEVA 150 MG TABS B/30 (THUY SI)	150mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim	VN-11868-11 (CV gia hạn đến 21/8/2019)	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Thụy Sĩ	Viên	668.710	420.143	280.953.825.530
5	7	Filgrastim	Neupogen Inj 30MU/0.5ml 1's	30MU	Dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn chứa filgrastim 30MU/0.5ml	QLSP-0809-14	F. Hoffmann-La Roche Ltd.	Thụy Sĩ	Bơm tiêm	558.047	83.150	46.401.608.050
6	8	Gefitinib	Iressa Tab 250mg 30's	250mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 1 túi nhôm x 3 vỉ x 10 viên/Hộp 1 túi nhôm x 3 vỉ x 10 viên	VN-20652-17	AsiraZeneca UK Limited	Anh	Viên	642.010	516.299	331.469.120.990
7	11	Imatinib	Glivec Tab 100mg 6x10's	100mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN2-490-16 (bết hạn 2/10/2019)	Novartis Pharma Produktions GmbH	Đức	Viên	384.038	4.221.355	1.621.160.731.490
8	12	Irinotecan	Campto Inj 40mg 2ml	40mg	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ 2ml	VN-20051-16	Pfizer (Perth) Pty Ltd/Pfizer (Perth) Pty Ltd	Úc	Lọ	1.324.449	38.726	51.290.611.974

h

*mm*⁷

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
9	13	Irinotecan	Campto Inj 100mg 5ml	100mg	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20050-16	Pfizer (Perth) Pty Ltd	Úc	Lọ	3.311.316	34.336	113.697.346.176
10	14	Letrozol	Femara Tab 2,5mg 3x10's	2,5mg	viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18040-14	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Viên	68.306	567.642	38.773.354.452
11	15	Mycophenolat	CELLCEPT 250MG B/100	250mg	Viên nang	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	VN-21283-18	Roche S.p.A	Italy	Viên	26.288	7.914.207	208.048.673.616
12	16	Mycophenolat	CELLCEPT 500MG 50 TABLETS	500mg	Viên nén	Uống	Hộp 5 vỉ x 10 viên nén	VN-11029-10 (CV: 15476/QLD-ĐK. 6/8/2018)	Roche S.p.A	Italy	Viên	52.576	5.330.252	280.243.329.152
13	17	Pegfilgrastim	Neulastim Inj 0.6ml 1's	6mg	Bơm tiêm đóng sẵn dung dịch tiêm	Tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn dung dịch tiêm 0,6ml	QLSP-865-15	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Thụy Sĩ	Bơm tiêm	13.027.449	10.202	132.906.034.698
14	24	Temozolomid	Temodal Cap 100mg 5 Sac x1's	100mg	Viên nang cứng	Uống	Hộp 5 gói x 1 viên	VN-17530-13	Orion Corporation ; CSDG: Schering-Plough Labo N.V.	Phần Lan đóng gói B1	Viên	2.137.500	37.778	80.750.475.000
15	30	Ivabradin	Procoralan Tab 5mg 56's	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 4 vỉ x 14 viên	VN-15960-12, CV gia hạn đến 14/11/2019	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	10.268	6.404.463	65.761.026.084
16	31	Ivabradin	Procoralan Tab 7,5mg 56's	7,5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 4 vỉ x 14 viên	VN-15961-12, CV gia hạn đến 14/11/2019	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	10.546	5.378.231	56.718.824.126
17	32	Metoprolol	Betaloc Zok Tab 25mg 14's	25mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-17243-13 (hết hạn 27/12/2018)	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	4.389	12.521.617	54.957.377.013

ke

8
TMM

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
18	33	Metoprolol	Betaloc Zok (Blister) 50mg 28's	50mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-17244-13 (hết hạn 27/12/2018)	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	5.490	17.408.514	95.572.741.860
19	34	Nebivolol	Nebilet Tab 5mg 14's	5mg	Viên nén	Uống	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-19377-15	Berlin Chemie AG	Đức	Viên	7.600	15.969.425	121.367.630.000
20	35	Rosuvastatin	Crestor Tab 5mg 28's	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-19786-16	IPR Pharmaceuticals INC., đóng gói AstraZeneca UK Limited	Mỹ, đóng gói Anh	Viên	8.978	4.480.518	40.226.090.604
21	36	Rosuvastatin	Crestor Tab 10mg 28's	10mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-18150-14	IPR Pharmaceuticals INC., đóng gói AstraZeneca UK Limited	Mỹ, đóng gói Anh	Viên	14.553	12.986.722	188.995.765.266
22	37	Rosuvastatin	Crestor Tab 20mg 28's	20mg	Viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-18151-14	IPR Pharmaceuticals INC., đóng gói AstraZeneca UK Limited	Mỹ, đóng gói Anh	Viên	18.064	3.321.207	59.994.283.248
												Tổng cộng		3.994.083.373.306

th

TAM

PHỤ LỤC 2:

Mua tăng số lượng theo yêu cầu phát sinh của cơ sở y tế

Gói thầu số 1: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2019-2020 cho các cơ sở điều trị trên toàn quốc;

Mã hiệu: ĐTTT.BDG.01.2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /QĐ-TTMS ngày 14 tháng 02 năm 2019)

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Số lượng điều chỉnh tăng	Số lượng sau khi điều chỉnh	Thành tiền điều chỉnh	Đơn vị sử dụng
Biệt dược																
Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương																
12	26	Vinorelbine	Navelbin c 20mg	20mg	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Uống	Hộp 1 vỉ x 1 viên	VN-15588-12 (CV gia hạn đến 19/7/2019)	Pierre Fabre Medicament production	Pháp	Viên	1.422.718	1.500	168.856	2.134.077.000	Bệnh viện Quân Y 175
13	27	Vinorelbine	Navelbin c 30mg	30mg	Viên nang mềm	Uống	Hộp 1 vỉ x 1 viên	VN-15589-12 (CV gia hạn đến 19/7/2019)	Pierre Fabre Medicament production	Pháp	Viên	2.133.787	3.500	187.589	7.468.254.500	Bệnh viện Quân Y 175
													Tổng cộng		9.602.331.500	
Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2																
12	15	Mycophenolat	CELLC EPT 250MG B/100	250mg	Viên nang	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	VN-21283-18	Rochie S.p.A	Italy	Viên	26.288	10.000	7.924.207	262.880.000	Bệnh viện Phổi Trung Ương
													Tổng cộng		262.880.000	

TMM

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam;

Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BYT ngày 05/5/2016 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; Công văn số 951/QLD-GT ngày 2/8/2018 của Cục Quản lý Dược về việc tổ chức đấu thầu các thuốc sản xuất trong nước thuộc Danh mục được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 6417/QĐ-BYT ngày 24/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2019-2020 đợt 2 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm MSTTTQG thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-TTMS ngày 26/10/2018 của Giám đốc Trung tâm MSTTTQG về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2019-2020 đợt 2 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm MSTTTQG thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-TTMS ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia phê duyệt Danh sách nhà thầu và các thuốc đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam; Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018;

Căn cứ Báo cáo đánh giá Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật ngày 17/12/2018 và Báo cáo đánh giá Hồ sơ đề xuất tài chính ngày 24/12/2018 của Tổ chuyên gia;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-TTMS ngày 24/12/2018 của Giám đốc Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu

gói thầu Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam; Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018;

Căn cứ Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung số 06/BB TTHĐ ngày 25/12/2018 giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh; Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung số 07/BB TTHĐ ngày 25/12/2018 giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định;

Căn cứ Báo cáo Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của Tổ Thẩm định đấu thầu ngày 26/12/2018;

Xét Tờ trình số 04/NVĐT ngày 27/12/2018 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 8: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Bắc; Mã hiệu: ĐTTT.generic.08.2018, Gói thầu số 9: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên; Mã hiệu: ĐTTT.generic.09.2018, Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam; Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018 của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam; Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ Y tế phê duyệt, cụ thể:

STT	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Danh mục thuốc chi tiết
1	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh	4.904.580.000	Phụ lục đính kèm
2	Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định	14.501.405.310	Phụ lục đính kèm

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định. Cách thức thực hiện: Trung tâm ký thỏa thuận khung, các cơ sở y tế ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu;

- Thời gian thực hiện: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2019.

Điều 2. Giá trúng thầu đã nêu tại Điều 1 là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo hành thuốc, các dịch vụ liên quan và các loại thuế, phí theo quy định nhà nước hiện hành.

Điều 3. Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia có trách nhiệm ký kết Thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu nêu tại Điều 1 theo đúng các quy định hiện hành của Chính phủ.

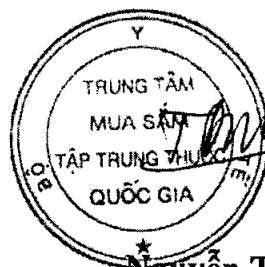
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Ông (Bà) thuộc các bộ phận: Văn phòng Trung tâm, Nghiệp vụ Đấu thầu, Nghiệp vụ Dược, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng thuốc, các nhà thầu trúng thầu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các PGĐ Trung tâm (để p/h thực hiện);
- Lưu VT, NVĐT.

GIÁM ĐỐC *g*



Nguyễn Trí Dũng

TP
TẬP

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1:

Kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam;

Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-TTMS ngày 14 tháng 02 năm 2019)

Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Mã thuốc	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VND)	Số lượng trúng thầu	Thành tiền (VND)
Nhóm 3															
1	1	C0101	Docetaxel	Duxena	80mg	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 1 lọ 4ml	QLDB-651-18 Hiệu lực 08/01/2020	Công ty CPDVTYT Hải Dương	Việt Nam	Lọ	258.000	19.010	4.904.580.000
TỔNG CỘNG															4.904.580.000

Thư

Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Mã thuốc	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Số lượng trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)
Nhóm 3															
1	2	C0301	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Dung dịch tiêm pha truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ x 50ml	VD-23141-15 Hiệu lực 09/09/2020	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	248.850	23.018	5.728.029.300
2	3	C0401	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Dung dịch tiêm	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ x 16,7ml	VD-21630-14 Hiệu lực 19/09/2019	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	213.990	40.999	8.773.376.010
TỔNG CỘNG															14.501.405.310

ĐMM

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2:

Phạm vi cung cấp chi tiết theo từng mặt hàng thuốc
Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam;
Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-TTMS ngày 14 tháng 02 năm 2019)

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
Nhóm 3												
I. Hoạt chất Docetaxel 80mg, C0101												
1	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.750	850	900	1.100	900	Bệnh viện Ung Bướu	Cần Thơ
2	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.640	660	660	660	660	Bệnh viện Ung Bướu	TP. Hồ Chí Minh
3	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.400	600	600	600	600	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre
4	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.000	500	500	500	500	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai
5	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.875	468	468	468	471	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh
6	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	840	210	210	210	210	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
7	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	720	180	180	180	180	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang
8	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	600	150	150	150	150	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh
9	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Bạc Liêu
10	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	530	133	133	133	133	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	TP. Hồ Chí Minh
11	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện Quân y 7A	TP. Hồ Chí Minh
12	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu
13	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ
14	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Thống Nhất Đồng Nai	Đồng Nai
15	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh
16	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	TTYT huyện Hoà Thành	Tây Ninh
17	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	TP. Hồ Chí Minh
18	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	200	0	0	0	Bệnh viện đa khoa Hà Tiên	Kiên Giang

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
19	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	150	75		75		Bệnh viện Quân y 175	TP. Hồ Chí Minh
20	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	150	30	40	40	40	Bệnh Viện Đk Cà Mau	Cà Mau
21	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	160	40	40	40	40	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang
22	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	105	25	20	25	35	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh
23	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Đa khoa Long An	Long An
24	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	70	14	17	19	20	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm	Tiền Giang
25	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	40	10	10	10	10	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. Hồ Chí Minh
26	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	28	7	7	7	7	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh
27	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	12	3	3	3	3	Bệnh viện Đa khoa trung tâm	An Giang
Tổng cộng: 27 khoản						19.010	4.840	4.623	4.905	4.644		
II. Hoạt chất Oxaliplatin, 100mg , C0301												
1	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	5.000	1.250	1.250	1.250	1.250	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre
2	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	4.900	1.000	1.200	1.500	1.200	Bệnh viện Ung Bướu	Cần Thơ

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
3	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.000	750	750	750	750	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai
4	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.200	300	300	300	300	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh
5	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.000	250	250	250	250	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	Trà Vinh
6	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.016	254	254	254	254	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh
7	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.000	250	250	250	250	Bệnh viện Quân y 7A	TP. Hồ Chí Minh
8	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	800	200	200	200	200	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ
9	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	840	210	210	210	210	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng
10	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	500	125	125	125	125	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu
11	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	520	130	130	130	130	Bệnh viện Ung Bướu	TP. Hồ Chí Minh
12	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	625	156	156	156	157	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh
13	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	440	110	110	110	110	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Cần Thơ
14	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	360	90	90	90	90	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Bạc Liêu

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
15	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	360	90	90	90	90	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang
16	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	365	90	75	95	105	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh
17	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	280	70	70	70	70	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang
18	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	250	100	50	50	50	Bệnh viện Quân y 175	TP. Hồ Chí Minh
19	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	160	40	40	40	40	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. Hồ Chí Minh
20	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	80	20	20	20	20	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh
21	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	72	18	18	18	18	Bệnh viện đa khoa Tỉnh	Vĩnh Long
22	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	70	14	17	19	20	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm	Tiền Giang
23	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	80	20	20	20	20	Bệnh viện Đa khoa Long An	Long An
24	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	60	15	15	15	15	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	TP. Hồ Chí Minh
25	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	40	10	10	10	10	TTYT huyện Hoà Thành	Tây Ninh
Tổng cộng: 25 khoản						23.018	5.562	5.700	6.022	5.734		

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
III. Hoạt chất Paclitaxel, 100mg, C0401												
1	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	5.960	1.490	1.490	1.490	1.490	Bệnh viện Ung Bướu	TP. Hồ Chí Minh
2	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	7.813	1.953	1.953	1.953	1.954	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh
3	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	5.000	1.250	1.250	1.250	1.250	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre
4	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	4.600	1.150	1.150	1.150	1.150	Bệnh viện Từ Dũ	TP. Hồ Chí Minh
5	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.300	700	800	1.000	800	Bệnh viện Ung Bướu	Cần Thơ
6	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.740	685	685	685	685	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	TP. Hồ Chí Minh
7	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.800	450	450	450	450	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh
8	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.800	450	450	450	450	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai
9	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.200	300	300	300	300	Bệnh viện Đa khoa trung tâm	An Giang
10	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.200	300	300	300	300	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ
11	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	800	200	200	200	200	Bệnh Viện Đk Cà Mau	Cà Mau

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
12	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	720	180	180	180	180	Bệnh viện Quân y 7A	TP. Hồ Chí Minh
13	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	700	100	200	200	200	Bệnh viện Hùng Vương	TP. Hồ Chí Minh
14	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh
15	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Bạc Liêu
16	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang
17	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu
18	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	360	90	90	90	90	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang
19	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	250	100	50	50	50	Bệnh viện Quân y 175	TP. Hồ Chí Minh
20	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Thống Nhất Đồng Nai	Đồng Nai
21	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	TP. Hồ Chí Minh
22	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	200	0	0	0	Bệnh viện đa khoa Hà Tiên	Kiên Giang
23	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	160	35	40	35	50	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
24	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	120	30	30	30	30	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Cần Thơ
25	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Đa khoa Long An	Long An
26	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	96	24	24	24	24	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh
27	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	40	10	10	10	10	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. Hồ Chí Minh
				Tổng cộng: 27 khoản		40.999	10.232	10.187	10.382	10.198		

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3:

Phạm vi cung cấp chi tiết theo đơn vị sử dụng

Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam;

Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-TTMS ngày 14 tháng 02 năm 2019)

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
Nhóm 3													
1	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	12	3	3	3	3	Bệnh viện Đa khoa trung tâm	An Giang	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
2	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.200	300	300	300	300	Bệnh viện Đa khoa trung tâm	An Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
3	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
4	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	500	125	125	125	125	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
5	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
6	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Bạc Liêu	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
7	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	360	90	90	90	90	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Bạc Liêu	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

THU

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
8	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Bạc Liêu	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
9	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.400	600	600	600	600	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
10	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	5.000	1.250	1.250	1.250	1.250	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
11	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	5.000	1.250	1.250	1.250	1.250	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
12	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	150	30	40	40	40	Bệnh Viện Đk Cà Mau	Cà Mau	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
13	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	800	200	200	200	200	Bệnh Viện Đk Cà Mau	Cà Mau	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
14	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	440	110	110	110	110	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Cần Thơ	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
15	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	120	30	30	30	30	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Cần Thơ	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
16	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
17	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	800	200	200	200	200	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
18	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.200	300	300	300	300	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
19	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.750	850	900	1.100	900	Bệnh viện Ung Bướu	Cần Thơ	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
20	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	4.900	1.000	1.200	1.500	1.200	Bệnh viện Ung Bướu	Cần Thơ	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
21	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.300	700	800	1.000	800	Bệnh viện Ung Bướu	Cần Thơ	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
22	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.000	500	500	500	500	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
23	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.000	750	750	750	750	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
24	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.800	450	450	450	450	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
25	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Thống Nhất Đồng Nai	Đồng Nai	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
26	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Thống Nhất Đồng Nai	Đồng Nai	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
27	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	720	180	180	180	180	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
28	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	360	90	90	90	90	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
29	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	360	90	90	90	90	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
30	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	200	0	0	0	Bệnh viện đa khoa Hà Tiên	Kiên Giang	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
31	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	200	0	0	0	Bệnh viện đa khoa Hà Tiên	Kiên Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định



STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
32	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	160	40	40	40	40	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
33	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	280	70	70	70	70	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
34	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
35	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Đa khoa Long An	Long An	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
36	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	80	20	20	20	20	Bệnh viện Đa khoa Long An	Long An	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
37	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Đa khoa Long An	Long An	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
38	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	840	210	210	210	210	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
39	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	840	210	210	210	210	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
40	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	TTYT huyện Hoà Thành	Tây Ninh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
41	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	40	10	10	10	10	TTYT huyện Hoà Thành	Tây Ninh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
42	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	70	14	17	19	20	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm	Tiền Giang	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
43	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	70	14	17	19	20	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm	Tiền Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
44	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	105	25	20	25	35	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
45	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	365	90	75	95	105	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
46	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	160	35	40	35	50	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
47	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
48	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.200	300	300	300	300	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
49	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	96	24	24	24	24	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
50	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	600	150	150	150	150	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
51	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.016	254	254	254	254	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
52	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.800	450	450	450	450	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
53	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	700	100	200	200	200	Bệnh viện Hùng Vương	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
54	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	40	10	10	10	10	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
55	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	160	40	40	40	40	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
56	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	40	10	10	10	10	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
57	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
58	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	60	15	15	15	15	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
59	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
60	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	530	133	133	133	133	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
61	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.740	685	685	685	685	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
62	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.875	468	468	468	471	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
63	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	625	156	156	156	157	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
64	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	7.813	1.953	1.953	1.953	1.954	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
65	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	150	75		75		Bệnh viện Quân y 175	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
66	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	250	100	50	50	50	Bệnh viện Quân y 175	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
67	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	250	100	50	50	50	Bệnh viện Quân y 175	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
68	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện Quân y 7A	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
69	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.000	250	250	250	250	Bệnh viện Quân y 7A	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
70	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	720	180	180	180	180	Bệnh viện Quân y 7A	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
71	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	28	7	7	7	7	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
72	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	80	20	20	20	20	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
73	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
74	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	4.600	1.150	1.150	1.150	1.150	Bệnh viện Từ Dũ	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
75	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.640	660	660	660	660	Bệnh viện Ung Bướu	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
76	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	520	130	130	130	130	Bệnh viện Ung Bướu	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
77	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	5.960	1.490	1.490	1.490	1.490	Bệnh viện Ung Bướu	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
78	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.000	250	250	250	250	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	Trà Vinh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
79	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	72	18	18	18	18	Bệnh viện đa khoa Tỉnh	Vĩnh Long	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu số 9: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên;

Mã hiệu: ĐTTT.generic.09.2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BYT ngày 05/5/2016 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; Công văn số 951/QLD-GT ngày 2/8/2018 của Cục Quản lý Dược về việc tổ chức đấu thầu các thuốc sản xuất trong nước thuộc Danh mục được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 6417/QĐ-BYT ngày 24/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2019-2020 đợt 2 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm MSTTTQG thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-TTMS ngày 26/10/2018 của Giám đốc Trung tâm MSTTTQG về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2019-2020 đợt 2 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm MSTTTQG thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-TTMS ngày 18/12/2018 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia phê duyệt Danh sách nhà thầu và các thuốc đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu số 9: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên; Mã hiệu: ĐTTT.generic.09.2018;

Căn cứ Báo cáo đánh giá Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật ngày 17/12/2018 và Báo cáo đánh giá Hồ sơ đề xuất tài chính ngày 24/12/2018 của Tổ chuyên gia;

Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-TTMS ngày 24/12/2018 của Giám đốc Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu

gói thầu Gói thầu số 9: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên; Mã hiệu: ĐTTT.generic.09.2018;

Căn cứ Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung số 06/BB TTĐH ngày 25/12/2018 giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh; Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung số 07/BB TTĐH ngày 25/12/2018 giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định;

Căn cứ Báo cáo Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của Tổ Thẩm định đấu thầu ngày 26/12/2018;

Xét Tờ trình số 04/NVĐT ngày 27/12/2018 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 8: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Bắc; Mã hiệu: ĐTTT.generic.08.2018, Gói thầu số 9: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên; Mã hiệu: ĐTTT.generic.09.2018, Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam; Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018 của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 9: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên; Mã hiệu: ĐTTT.generic.09.2018 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ Y tế phê duyệt, cụ thể:

STT	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Danh mục thuốc chi tiết
1	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh	3.156.630.000	Phụ lục đính kèm
2	Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định	13.720.583.310	Phụ lục đính kèm

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định. Cách thức thực hiện: Trung tâm ký thỏa thuận khung, các cơ sở y tế ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu;

- Thời gian thực hiện: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2019.

Điều 2. Giá trúng thầu nêu trên là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo hành thuốc, các dịch vụ liên quan và các loại thuế, phí theo quy định nhà nước hiện hành.

Điều 3. Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia có trách nhiệm ký kết Thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu nêu tại Điều 1 theo đúng các quy định hiện hành của Chính phủ.

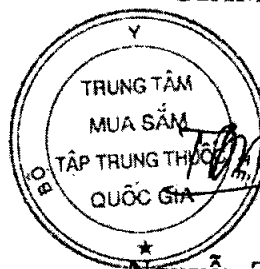
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Ông (Bà) thuộc các bộ phận: Văn phòng Trung tâm, Nghiệp vụ Đấu thầu, Nghiệp vụ Dược, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng thuốc, các nhà thầu trúng thầu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các PGĐ Trung tâm (để p/h thực hiện);
- Lưu VT, NVĐT.

GIÁM ĐỐC *th*



Nguyễn Trí Dũng

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1:

Kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 9: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên;

Mã hiệu: ĐTTT.generic.09.2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-TTMS ngày 14 tháng 02 năm 2019)

Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Mã thuốc	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Số lượng trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)
Nhóm 3															
1	1	C0101	Docetaxel	Duxena	80mg	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 1 lọ 4ml	QLĐB-651-18 Hiệu lực 08/01/2020	Công ty CPDVITYT Hải Dương	Việt Nam	Lọ	258.000	12.235	3.156.630.000
TỔNG CỘNG															3.156.630.000

Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Mã thuốc	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Số lượng trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)
Nhóm 3															
1	2	C0301	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Dung dịch tiêm pha truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ x 50ml	VD-23141-15 Hiệu lực 09/09/2020	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	248.850	21.699	5.399.796.150
2	3	C0401	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Dung dịch tiêm	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ x 16,7ml	VD-21630-14 Hiệu lực 19/09/2019	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	213.990	38.884	8.320.787.160
TỔNG CỘNG															13.720.583.310

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2:

Phạm vi cung cấp chi tiết theo từng mặt hàng thuộc

Gói thầu số 9: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên;

Mã hiệu: ĐTTT.generic.09.2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-TTMS ngày 14 tháng 02 năm 2019)

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
Nhóm 3												
I. Hoạt chất Docetaxel, 80mg, C0101												
1	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.000	800	800	800	600	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Đà Nẵng
2	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.733	565	566	572	1.030	Bệnh viện Ung Bướu	Nghệ An
3	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.152	288	288	288	288	Bệnh viện Đại học Y Dược Huế	Thừa Thiên Huế
4	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	960	240	240	240	240	Bệnh viện C Đà Nẵng	Đà Nẵng
5	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	500	125	125	125	125	Bệnh viện Ung Bướu	Thanh Hoá
6	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	600	150	150	150	150	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực	Quảng Nam

T.M.

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
7	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	377	80	100	100	97	Bệnh Viện Đa Khoa Quảng Nam	Quảng Nam
8	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	430	90	100	120	120	Bệnh Viện Đa Khoa Miền Núi Phía Bắc Quảng Nam	Quảng Nam
9	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	310	70	70	80	90	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định
10	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	300	70	70	80	80	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
11	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận
12	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Khánh Hòa
13	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	204	51	51	51	51	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Quảng Trị
14	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	225	45	60	60	60	BVĐK tỉnh	Kon Tum
15	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình
16	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	160	40	40	40	40	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế
17	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	140	35	35	35	35	Bệnh viện Đà Nẵng	Đà Nẵng
18	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện HNĐK Nghệ An	Nghệ An

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
19	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	120	30	30	30	30	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Phú Yên
20	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi
21	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam
22	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	88	22	22	22	22	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk
23	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	24	6	6	6	6	Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	Đà Nẵng
24	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	12	3	3	3	3	Bệnh viện Sản Nhi	Phú Yên
Tổng cộng: 24 khoản						12.235	2.935	2.981	3.027	3.292		

II. Hoạt chất Oxaliplatin, 100mg, C0301

1	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	8.493	1.425	1.546	2.282	3.240	Bệnh viện Ung bướu	Nghệ An
2	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.400	600	600	600	600	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Đà Nẵng
3	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.160	540	540	540	540	Bệnh viện Đại học Y Dược Huế	Thừa Thiên Huế
4	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.600	400	400	400	400	Bệnh viện C Đà Nẵng	Đà Nẵng
5	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	780	190	200	200	190	Bệnh Viện Đa Khoa Quảng Nam	Quảng Nam

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
6	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	780	180	190	200	210	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định
7	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	760	160	200	200	200	Bệnh Viện Đa Khoa Miền Núi Phía Bắc Quảng Nam	Quảng Nam
8	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	600	150	150	150	150	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
9	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Khánh Hòa
10	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	600	150	150	150	150	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực	Quảng Nam
11	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế
12	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình
13	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	300	75	75	75	75	BVĐK tỉnh	Kon Tum
14	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	280	70	70	70	70	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk
15	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	273	65	65	65	78	Đk Tỉnh	Thanh Hoá
16	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	280	70	70	70	70	Bệnh viện Đà Nẵng	Đà Nẵng
17	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	227	55	55	55	62	Bệnh viện Ung Bướu	Thanh Hoá

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
18	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam
19	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Ninh Thuận
20	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	120	30	30	30	30	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận
21	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	112	28	28	28	28	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Quảng Trị
22	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện HNĐK Nghệ An	Nghệ An
23	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	120	30	30	30	30	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Phú Yên
24	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi
25	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	14	3	3	4	4	Bệnh viện Sản Nhi	Phú Yên
Tổng cộng: 25 khoản						21.699	4.671	4.852	5.599	6.577		
III. Hoạt chất Paclitaxel, 100mg, C0401												
1	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	20.830	2.907	4.828	5.945	7.150	Bệnh viện Ung Bướu	Nghệ An
2	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	4.050	1.050	1.000	1.000	1.000	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Đà Nẵng
3	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.400	850	850	850	850	Bệnh viện C Đà Nẵng	Đà Nẵng

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
4	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.880	720	720	720	720	Bệnh viện Đại học Y Dược Huế	Thừa Thiên Huế
5	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.000	250	250	250	250	Bệnh viện Ung Bướu	Thanh Hoá
6	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.060	250	260	270	280	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định
7	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	780	150	180	200	250	Bệnh Viện Đa Khoa Miền Núi Phía Bắc Quảng Nam	Quảng Nam
8	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	500	125	125	125	125	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế
9	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	450	100	100	100	150	Phối	Thanh Hoá
10	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	600	150	150	150	150	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực	Quảng Nam
11	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	390	95	100	100	95	Bệnh Viện Đa Khoa Quảng Nam	Quảng Nam
12	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	340	85	85	85	85	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk
13	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	300	75	75	75	75	BVĐK tỉnh	Kon Tum
14	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	288	72	72	72	72	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	Gia Lai
15	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	300	75	75	75	75	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Khánh Hòa

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
16	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	260	65	65	65	65	Bệnh viện Đà Nẵng	Đà Nẵng
17	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	250	60	60	60	70	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
18	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình
19	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam
20	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	180	45	45	45	45	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận
21	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	180	45	45	45	45	Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	Đà Nẵng
22	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	112	28	28	28	28	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị
23	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện HNĐK Nghệ An	Nghệ An
24	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi
25	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	80	20	20	20	20	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên	Phú Yên
26	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	14	3	3	4	4	Bệnh viện Sản Nhi	Phú Yên
				Tổng cộng: 26 khoản		38.884	7.380	9.296	10.444	11.764		

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3:

Phạm vi cung cấp chi tiết theo đơn vị sử dụng

Gói thầu số 9: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên;

Mã hiệu: ĐTTT.generic.09.2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-TTMS ngày 14 tháng 02 năm 2019)

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
	Nhóm 3												
1	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	310	70	70	80	90	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
2	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	780	180	190	200	210	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
3	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.060	250	260	270	280	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
4	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
5	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	120	30	30	30	30	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

THM

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
6	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	180	45	45	45	45	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
7	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	960	240	240	240	240	Bệnh viện C Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
8	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.600	400	400	400	400	Bệnh viện C Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
9	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.400	850	850	850	850	Bệnh viện C Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
10	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	140	35	35	35	35	Bệnh viện Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
11	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	280	70	70	70	70	Bệnh viện Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
12	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	260	65	65	65	65	Bệnh viện Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
13	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	24	6	6	6	6	Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
14	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	180	45	45	45	45	Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
15	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.000	800	800	800	600	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
16	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.400	600	600	600	600	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
17	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	4.050	1.050	1.000	1.000	1.000	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Đà Nẵng	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
18	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	340	85	85	85	85	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
19	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	88	22	22	22	22	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
20	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	280	70	70	70	70	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
21	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	288	72	72	72	72	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	Gia Lai	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
22	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	300	70	70	80	80	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
23	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	600	150	150	150	150	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
24	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	250	60	60	60	70	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
25	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Khánh Hòa	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
26	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Khánh Hòa	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
27	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	300	75	75	75	75	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Khánh Hòa	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
28	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	225	45	60	60	60	BVĐK tỉnh	Kon Tum	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
29	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	300	75	75	75	75	BVĐK tỉnh	Kon Tum	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
30	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	300	75	75	75	75	BVK tỉnh	Kon Tum	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
31	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện HNĐK Nghệ An	Nghệ An	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
32	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện HNĐK Nghệ An	Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
33	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện HNĐK Nghệ An	Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
34	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.733	565	566	572	1.030	Bệnh viện Ung Bướu	Nghệ An	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
35	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	8.493	1.425	1.546	2.282	3.240	Bệnh viện Ung bướu	Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
36	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	20.830	2.907	4.828	5.945	7.150	Bệnh viện Ung Bướu	Nghệ An	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
37	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Ninh Thuận	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
38	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	120	30	30	30	30	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Phú Yên	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
39	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	120	30	30	30	30	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Phú Yên	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
40	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	80	20	20	20	20	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Phú Yên	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
41	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	12	3	3	3	3	Bệnh viện Sản Nhi	Phú Yên	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
42	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	14	3	3	4	4	Bệnh viện Sản Nhi	Phú Yên	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
43	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	14	3	3	4	4	Bệnh viện Sản Nhi	Phú Yên	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
44	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
45	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
46	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
47	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	600	150	150	150	150	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực	Quảng Nam	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
48	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	600	150	150	150	150	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực	Quảng Nam	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
49	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	600	150	150	150	150	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực	Quảng Nam	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
50	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	430	90	100	120	120	Bệnh Viện Đa Khoa Miền Núi Phía Bắc Quảng Nam	Quảng Nam	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
51	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	760	160	200	200	200	Bệnh Viện Đa Khoa Miền Núi Phía Bắc Quảng Nam	Quảng Nam	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
52	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	780	150	180	200	250	Bệnh Viện Đa Khoa Miền Núi Phía Bắc Quảng Nam	Quảng Nam	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
53	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	377	80	100	100	97	Bệnh Viện Đa Khoa Quảng Nam	Quảng Nam	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
54	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	780	190	200	200	190	Bệnh Viện Đa Khoa Quảng Nam	Quảng Nam	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
55	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	390	95	100	100	95	Bệnh Viện Đa Khoa Quảng Nam	Quảng Nam	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
56	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
57	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
58	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
59	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
60	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
61	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
62	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	112	28	28	28	28	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Quảng Trị	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
63	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	204	51	51	51	51	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Quảng Trị	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
64	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	112	28	28	28	28	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
65	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	500	125	125	125	125	Bệnh viện Ung Bướu	Thanh Hoá	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
66	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	227	55	55	55	62	Bệnh viện Ung Bướu	Thanh Hoá	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
67	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.000	250	250	250	250	Bệnh viện Ung Bướu	Thanh Hoá	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
68	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	273	65	65	65	78	Đa khoa Tỉnh	Thanh Hoá	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
69	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	450	100	100	100	150	Phối	Thanh Hoá	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
70	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.152	288	288	288	288	Bệnh viện Đại học Y Dược Huế	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
71	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.160	540	540	540	540	Bệnh viện Đại học Y Dược Huế	Thừa Thiên Huế	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
72	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.880	720	720	720	720	Bệnh viện Đại học Y Dược Huế	Thừa Thiên Huế	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
73	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	160	40	40	40	40	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
74	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
75	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	500	125	125	125	125	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA
Số: 06 /QĐ-TTMS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam;

Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BYT ngày 05/5/2016 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; Công văn số 951/QLD-GT ngày 2/8/2018 của Cục Quản lý Dược về việc tổ chức đấu thầu các thuốc sản xuất trong nước thuộc Danh mục được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 6417/QĐ-BYT ngày 24/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2019-2020 đợt 2 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm MSTTTQG thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-TTMS ngày 26/10/2018 của Giám đốc Trung tâm MSTTTQG về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu các gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2019-2020 đợt 2 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm MSTTTQG thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-TTMS ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia phê duyệt Danh sách nhà thầu và các thuốc đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam; Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018;

Căn cứ Báo cáo đánh giá Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật ngày 17/12/2018 và Báo cáo đánh giá Hồ sơ đề xuất tài chính ngày 24/12/2018 của Tổ chuyên gia;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-TTMS ngày 24/12/2018 của Giám đốc Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu

gói thầu Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam; Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018;

Căn cứ Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung số 06/BB TTHĐ ngày 25/12/2018 giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh; Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung số 07/BB TTHĐ ngày 25/12/2018 giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định;

Căn cứ Báo cáo Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của Tổ Thẩm định đấu thầu ngày 26/12/2018;

Xét Tờ trình số 04/NVĐT ngày 27/12/2018 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà Gói thầu số 8: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Bắc; Mã hiệu: ĐTTT.generic.08.2018, Gói thầu số 9: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên; Mã hiệu: ĐTTT.generic.09.2018, Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam; Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018 của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam; Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ Y tế phê duyệt, cụ thể:

STT	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Danh mục thuốc chi tiết
1	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh	4.904.580.000	Phụ lục đính kèm
2	Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định	14.501.405.310	Phụ lục đính kèm

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định. Cách thức thực hiện: Trung tâm ký thỏa thuận khung, các cơ sở y tế ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu;

- Thời gian thực hiện: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2019.

Điều 2. Giá trúng thầu đã nêu tại Điều 1 là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo hành thuốc, các dịch vụ liên quan và các loại thuế, phí theo quy định nhà nước hiện hành.

Điều 3. Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia có trách nhiệm ký kết Thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu nêu tại Điều 1 theo đúng các quy định hiện hành của Chính phủ.

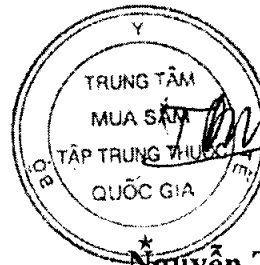
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Ông (Bà) thuộc các bộ phận: Văn phòng Trung tâm, Nghiệp vụ Đấu thầu, Nghiệp vụ Dược, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng thuốc, các nhà thầu trúng thầu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các PGĐ Trung tâm (để p/h thực hiện);
- Lưu VT, NVĐT.

GIÁM ĐỐC *g*



Nguyễn Trí Dũng

TF
20

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I:

Kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam;

Mã hiệu: DTTT.generie.10.2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-TTMS ngày 14 tháng 02 năm 2019)

Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Mã thuốc	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	SĐK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Số lượng trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)
Nhóm 3															
1	1	C0101	Docetaxel	Duxena	80mg	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Hộp 1 lọ 4ml	QLĐB-651-18 Hiệu lực 08/01/2020	Công ty CPDVTYT Hải Dương	Việt Nam	Lọ	258.000	19.010	4.904.580.000
TỔNG CỘNG															4.904.580.000

TAMU

Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Mã thuốc	Hoạt chất	Tên thuốc	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu (VNĐ)	Số lượng trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)
Nhóm 3															
1	2	C0301	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Dung dịch tiêm pha truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ x 50ml	VD-23141-15 Hiệu lực 09/09/2020	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	248.850	23.018	5.728.029.300
2	3	C0401	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Dung dịch tiêm	Tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ x 16,7ml	VD-21630-14 Hiệu lực 19/09/2019	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	213.990	40.999	8.773.376.010
TỔNG CỘNG															14.501.405.310

Tam

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2:

Phạm vi cung cấp chi tiết theo từng mặt hàng thuốc
Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam;

Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-TTMS ngày 14 tháng 02 năm 2019)

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
Nhóm 3												
1. Hoạt chất Docetaxel 80mg, C0101												
1	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.750	850	900	1.100	900	Bệnh viện Ung Bướu	Cần Thơ
2	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.640	660	660	660	660	Bệnh viện Ung Bướu	TP. Hồ Chí Minh
3	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.400	600	600	600	600	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre
4	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.000	500	500	500	500	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai
5	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.875	468	468	468	471	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh
6	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	840	210	210	210	210	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng

TĐM

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
7	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	720	180	180	180	180	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang
8	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	600	150	150	150	150	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh
9	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Bạc Liêu
10	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	530	133	133	133	133	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	TP. Hồ Chí Minh
11	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện Quân y 7A	TP. Hồ Chí Minh
12	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu
13	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ
14	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Thống Nhất Đồng Nai	Đồng Nai
15	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh
16	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	TTYT huyện Hoà Thành	Tây Ninh
17	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	TP. Hồ Chí Minh
18	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	200	0	0	0	Bệnh viện đa khoa Hà Tiên	Kiên Giang

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
19	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	150	75		75		Bệnh viện Quân y 175	TP. Hồ Chí Minh
20	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	150	30	40	40	40	Bệnh Viện Đk Cà Mau	Cà Mau
21	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	160	40	40	40	40	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang
22	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	105	25	20	25	35	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh
23	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Đa khoa Long An	Long An
24	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	70	14	17	19	20	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm	Tiền Giang
25	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	40	10	10	10	10	Bệnh viện Nguyễn Trí Phương	TP. Hồ Chí Minh
26	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	28	7	7	7	7	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh
27	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	12	3	3	3	3	Bệnh viện Đa khoa trung tâm	An Giang
Tổng cộng: 27 khoản						19.010	4.840	4.623	4.905	4.644		
II. Hoạt chất Oxaliplatin, 100mg , C0301												
1	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	5.000	1.250	1.250	1.250	1.250	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre
2	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	4.900	1.000	1.200	1.500	1.200	Bệnh viện Ung Bướu	Cần Thơ

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
3	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.000	750	750	750	750	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai
4	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.200	300	300	300	300	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh
5	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.000	250	250	250	250	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	Trà Vinh
6	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.016	254	254	254	254	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh
7	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.000	250	250	250	250	Bệnh viện Quân y 7A	TP. Hồ Chí Minh
8	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	800	200	200	200	200	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ
9	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	840	210	210	210	210	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng
10	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	500	125	125	125	125	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu
11	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	520	130	130	130	130	Bệnh viện Ung Bướu	TP. Hồ Chí Minh
12	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	625	156	156	156	157	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh
13	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	440	110	110	110	110	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Cần Thơ
14	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	360	90	90	90	90	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Bạc Liêu

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
15	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	360	90	90	90	90	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang
16	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	365	90	75	95	105	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh
17	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	280	70	70	70	70	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang
18	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	250	100	50	50	50	Bệnh viện Quân y 175	TP. Hồ Chí Minh
19	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	160	40	40	40	40	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. Hồ Chí Minh
20	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	80	20	20	20	20	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh
21	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	72	18	18	18	18	Bệnh viện đa khoa Tỉnh	Vĩnh Long
22	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	70	14	17	19	20	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm	Tiền Giang
23	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	80	20	20	20	20	Bệnh viện Đa khoa Long An	Long An
24	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	60	15	15	15	15	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	TP. Hồ Chí Minh
25	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	40	10	10	10	10	TTYT huyện Hoà Thành	Tây Ninh
Tổng cộng: 25 khoản						23.018	5.562	5.700	6.022	5.734		

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
III. Hoạt chất Paclitaxel, 100mg, C0401												
1	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	5.960	1.490	1.490	1.490	1.490	Bệnh viện Ung Bướu	TP. Hồ Chí Minh
2	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	7.813	1.953	1.953	1.953	1.954	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh
3	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	5.000	1.250	1.250	1.250	1.250	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre
4	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	4.600	1.150	1.150	1.150	1.150	Bệnh viện Từ Dũ	TP. Hồ Chí Minh
5	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.300	700	800	1.000	800	Bệnh viện Ung Bướu	Cần Thơ
6	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.740	685	685	685	685	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	TP. Hồ Chí Minh
7	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.800	450	450	450	450	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh
8	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.800	450	450	450	450	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai
9	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.200	300	300	300	300	Bệnh viện Da khoa trung tâm	An Giang
10	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.200	300	300	300	300	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ
11	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	800	200	200	200	200	Bệnh Viện Đk Cà Mau	Cà Mau

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
12	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	720	180	180	180	180	Bệnh viện Quân y 7A	TP. Hồ Chí Minh
13	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	700	100	200	200	200	Bệnh viện Hùng Vương	TP. Hồ Chí Minh
14	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh
15	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Bạc Liêu
16	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang
17	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu
18	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	360	90	90	90	90	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang
19	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	250	100	50	50	50	Bệnh viện Quân y 175	TP. Hồ Chí Minh
20	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Thống Nhất Đồng Nai	Đồng Nai
21	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	TP. Hồ Chí Minh
22	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	200	0	0	0	Bệnh viện đa khoa Hà Tiên	Kiên Giang
23	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	160	35	40	35	50	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
24	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	120	30	30	30	30	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Cần Thơ
25	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Đa khoa Long An	Long An
26	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	96	24	24	24	24	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh
27	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	40	10	10	10	10	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. Hồ Chí Minh
Tổng cộng: 27 khoản						40.999	10.232	10.187	10.382	10.198		

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3:

Phạm vi cung cấp chi tiết theo đơn vị sử dụng

Gói thầu số 10: Cung cấp một số thuốc nhóm 3 năm 2019 cho các tỉnh miền Nam;

Mã hiệu: ĐTTT.generic.10.2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-TTMS ngày 14 tháng 02 năm 2019)

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
Nhóm 3													
1	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	12	3	3	3	3	Bệnh viện Đa khoa trung tâm	An Giang	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
2	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.200	300	300	300	300	Bệnh viện Đa khoa trung tâm	An Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
3	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
4	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	500	125	125	125	125	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
5	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
6	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Bạc Liêu	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
7	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	360	90	90	90	90	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Bạc Liêu	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

th

THU

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
8	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu	Bạc Liêu	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
9	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.400	600	600	600	600	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
10	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	5.000	1.250	1.250	1.250	1.250	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
11	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	5.000	1.250	1.250	1.250	1.250	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
12	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	150	30	40	40	40	Bệnh Viện Đk Cà Mau	Cà Mau	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
13	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	800	200	200	200	200	Bệnh Viện Đk Cà Mau	Cà Mau	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
14	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	440	110	110	110	110	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Cần Thơ	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
15	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	120	30	30	30	30	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Cần Thơ	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
16	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	400	100	100	100	100	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
17	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	800	200	200	200	200	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
18	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.200	300	300	300	300	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
19	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.750	850	900	1.100	900	Bệnh viện Ung Bướu	Cần Thơ	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
20	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	4.900	1.000	1.200	1.500	1.200	Bệnh viện Ung Bướu	Cần Thơ	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
21	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.300	700	800	1.000	800	Bệnh viện Ung Bướu	Cần Thơ	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
22	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.000	500	500	500	500	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
23	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	3.000	750	750	750	750	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
24	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.800	450	450	450	450	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
25	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Thống Nhất Đồng Nai	Đồng Nai	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
26	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Thống Nhất Đồng Nai	Đồng Nai	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
27	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	720	180	180	180	180	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
28	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	360	90	90	90	90	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
29	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	360	90	90	90	90	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang	Hậu Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
30	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	200	0	0	0	Bệnh viện đa khoa Hà Tiên	Kiên Giang	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
31	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	200	0	0	0	Bệnh viện đa khoa Hà Tiên	Kiên Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị lính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
32	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	160	40	40	40	40	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
33	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	280	70	70	70	70	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
34	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
35	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Đa khoa Long An	Long An	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
36	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	80	20	20	20	20	Bệnh viện Đa khoa Long An	Long An	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
37	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	100	25	25	25	25	Bệnh viện Đa khoa Long An	Long An	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
38	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	840	210	210	210	210	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
39	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	840	210	210	210	210	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
40	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	TTYT huyện Hoà Thành	Tây Ninh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
41	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	40	10	10	10	10	TTYT huyện Hoà Thành	Tây Ninh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
42	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	70	14	17	19	20	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm	Tiền Giang	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
43	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	70	14	17	19	20	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm	Tiền Giang	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
44	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	105	25	20	25	35	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
45	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ổng	365	90	75	95	105	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
46	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ổng	160	35	40	35	50	Bệnh viện 30/4	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
47	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ổng	240	60	60	60	60	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
48	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ổng	1.200	300	300	300	300	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
49	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ổng	96	24	24	24	24	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
50	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ổng	600	150	150	150	150	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
51	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ổng	1.016	254	254	254	254	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
52	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ổng	1.800	450	450	450	450	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
53	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ổng	700	100	200	200	200	Bệnh viện Hùng Vương	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
54	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ổng	40	10	10	10	10	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
55	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ổng	160	40	40	40	40	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
56	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ổng	40	10	10	10	10	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
57	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ổng	200	50	50	50	50	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh

ĐAM

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
58	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	60	15	15	15	15	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
59	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	200	50	50	50	50	Bệnh viện Nhi đồng thành phố	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
60	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	530	133	133	133	133	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
61	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.740	685	685	685	685	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
62	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.875	468	468	468	471	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
63	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	625	156	156	156	157	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
64	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	7.813	1.953	1.953	1.953	1.954	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
65	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	150	75		75		Bệnh viện Quân y 175	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
66	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	250	100	50	50	50	Bệnh viện Quân y 175	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
67	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	250	100	50	50	50	Bệnh viện Quân y 175	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
68	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	480	120	120	120	120	Bệnh viện Quân y 7A	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
69	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.000	250	250	250	250	Bệnh viện Quân y 7A	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
70	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	720	180	180	180	180	Bệnh viện Quân y 7A	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng					Tên đơn vị	Tỉnh	Công ty trúng thầu
						Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
71	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	28	7	7	7	7	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
72	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	80	20	20	20	20	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
73	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	240	60	60	60	60	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
74	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	4.600	1.150	1.150	1.150	1.150	Bệnh viện Từ Dũ	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
75	Docetaxel	Duxena	80mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	2.640	660	660	660	660	Bệnh viện Ung Bướu	TP. Hồ Chí Minh	Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Hà Minh
76	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	520	130	130	130	130	Bệnh viện Ung Bướu	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
77	Paclitaxel	Canpaxel 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	5.960	1.490	1.490	1.490	1.490	Bệnh viện Ung Bướu	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
78	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	1.000	250	250	250	250	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	Trà Vinh	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định
79	Oxaliplatin	Lyoxatin 100	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống	72	18	18	18	18	Bệnh viện đa khoa Tỉnh	Vĩnh Long	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định